**SCRIPTS BÀI TẬP PART 2 – WHO, WHAT**

|  |  |
| --- | --- |
| 01.  (M-Am) What’s the topic of today’s  seminar?  (W-Br) (A) In an hour.  **(B) I’m not sure.**  (C) No, on the bottom. | 01.  Chủ đề của hội nghị chuyên đề hôm nay là gì?  (A) Trong một giờ nữa.  **(B) Tôi không chắc lắm.**  (C) Không, ở phía dưới. |
| 02.  (W-Am) What time does the train arrive?  (M-Am) **(A) It should be here soon.**  (B) Yes, I think it might rain.  (C) No, I won’t have time. | 02.  Mấy giờ thì tàu đến?  **(A) Nó sẽ đến sớm thôi.**  (B) Đúng, tôi nghĩ trời có thể mưa.  (C) Không, tôi không có thời gian. |
| 03.  (W-Br) What do you think of this month’s  budget?  (M-Am) (A) Yes, this month.  **(B) Looks like we need money.**  (C) Thanks, it was a gift. | 03.  Bạn nghĩ gì về ngân sách tháng này?  (A) Đúng, tháng này.  **(B) Có vẻ như chúng ta cần tiền.**  (C) Cảm ơn bạn, nó là một món quà. |
| 04.  (W-Br) What time are you serving lunch?  (W-Am) (A) Down at the harbor.  **(B) From 11 A.M. to 2 P.M.**  (C) Yes, I have time. | 04.  Mấy giờ thì bạn phục vụ bữa trưa?  (A) Ở tận bến cảng.  **(B) Từ 11 giờ trưa đến 2 giờ chiều.**  (C) Đúng vậy, tôi có thời gian. |
| 05.  (W-Am) What’s the hourly pay rate?  (M-Br) (A) No, it’s my old watch.  (B) It’s theirs, not ours.  **(C) It’s thirty dollars.** | 05.  Mức lương theo giờ là bao nhiêu?  (A) Không, nó là cái đồng hồ cũ của tôi.  (B) Nó là của họ, không phải của chúng ta.  **(C) Là 30 đô la.** |
| 06.  (W-Br) Who’s responsible for sending the  invitations?  (M-Am) (A) He got an e-mail.  **(B) Mr. Santori handles that.**  (C) No, she wasn’t invited. | 06.  Ai chịu trách nhiệm gửi các thư mời?  (A) Ông ấy đã có một e-mail.  (**B) Ông Santori xử lí việc đó.**  (C) Không, cô ấy không được mời. |
| 07.  (M-Br) What would you like to drink?  (W-Am) (A) Yes, thank you.  (B) No, I don’t.  **(C) Orange juice, please.** | 07.  Bạn muốn uống gì?  (A) Đúng vậy, cảm ơn bạn.  (B) Không, tôi không làm.  **(C) Nước cam.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 08.  (M-Br) Who’s going to be working on the  design project?  (M-Am) (A) I read the sign.  **(B) Just you and Tom, I think.**  (C) A week from tomorrow. | 08.  Ai sắp sửa làm việc về dự án thiết kế?  (A) Tôi đã đọc biển hiệu  **(B) Chỉ có bạn và Tom, tôi nghĩ vậy.**  (C) Một tuần kể từ ngày mai. |
| 09.  (W-Br) Who does this reference manual  belong to?  (W-Am) (A) It won’t be long.  **(B) It’s probably mine.**  (C) Yes, it does. | 09.  Cuốn sách hướng dẫn tham khảo này là của ai?  (A) Nó sẽ không dài đâu.  **(B) Có lẽ là của tôi.**  (C) Đúng vậy. |
| 10.  (W-Am) What’s the weather forecast for this  weekend?  (W-Am) (A) No, there were five of them.  **(B) They’re predicting rain.**  (C) It’s a week from now. | 10.  Dự báo thời tiết cho cuối tuần này như thế nào?  (A) Không phải, có 5 người trong số họ.  **(B) Họ dự báo là có mưa.**  (C) Một tuần kể từ hôm nay. |
| 11.  (M-Am) Can I tell Ms. Jones who’s calling?  (M-Br) **(A) My name is John Asato.**  (B) She can see you tomorrow.  (C) No, I didn’t call this morning. | 11.  Tôi sẽ nói với cô Jones là ai đang gọi đến?  **(A) Tên tôi là John Asato.**  (B) Cô ấy có thể gặp bạn vào ngày mai.  (C) Không, sáng nay tôi không gọi. |
| 12.  (M-Am) What is the purpose of your visit to  Singapore, sir?  (M-Am) (A) Yes, five or six times.  (B) At a hotel downtown.  **(C) I’m here for a convention.** | 12.  Mục đích bạn đến Singapore là gì?  (A) Đúng vậy, 5 hay 6 lần gì đó.  (B) Tại một khách sạn ở khu trung tâm.  **(C) Tôi đến đây để tham dự một hội nghị.** |
| 13.  (W-Br) I wonder who will be hired as  assistant manager, don’t you?  (M-Br) (A) Sorry, he can’t assist you right  now.  **(B) I think Mr. Brown has a good**  **chance.**  (C) No thanks, I can manage it. | 13.  Tôi thắc mắc là ai sẽ được tuyển vào vị trí trợ lí giám đốc.  (A) Xin lỗi, anh ấy không thể hỗ trợ bạn vào  lúc này.  **(B) Tôi nghĩ anh Brown có cơ hội tốt.**  (C) Không, cảm ơn, tôi có thể tự xoay sở. |

|  |  |
| --- | --- |
| 14.  (M-Am) Who’s the person in charge of  payroll?  (W-Am) (A) We only take cash.  **(B) That would be Mona Li.**  (C) Payments are due today. | 14.  Ai là người quản lí bảng lương?  (A) Chúng tôi chỉ nhận tiền mặt.  **(B) Có thể là Mona Li.**  (C) Việc thanh toán hôm nay là đến hạn. |
| 15.  (M-Au) Who signed the letter?  (M-Cn) (A) In the cabinet.  (B) A couple of times.  **(C) Ms. Jin did.** | 15.  Ai đã kí vào lá thư?  (A) Ở trong tủ.  (B) Một vài lần.  **(C) Là cô Jin.** |
| 16.  (W-Br) What was in that large package?  (M-Cn) (A) It arrived last week, I think.  (B) I found it in the hall.  **(C) The desk lamps that I ordered.** | 16.  Có cái gì ở trong bưu kiện to đùng đó?  (A) Tôi nghĩ nó đã đến đây hồi tuần trước.  (B) Tôi tìm thấy nó ở sảnh.  **(C) Những cái đèn bàn mà tôi đã đặt hàng.** |
| 17.  (M-Au) What’s the best way to get to the  airport?  (W-Am) **(A) I’d take the train.**  (B) Yes, it’s very good.  (C) Next to the telephone. | 17.  Cách tốt nhất để đến sân bay là gì?  **(A) Tôi sẽ đi tàu hoả.**  (B) Đúng vậy, nó rất tốt.  (C) Bên cạnh điện thoại. |
| 18.  (M-Cn) Who will be the first speaker?  (W-Am) **(A) Let me check the program.**  (B) Any time will be OK.  (C) Could I have a second one? | 18.  Ai sẽ là diễn giả đầu tiên?  **(A) Để tôi kiểm tra chương trình.**  (B) Lúc nào cũng được.  (C) Tôi có thể có cái thứ hai không? |
| 19.  (M-Cn) Who’s scheduled to use the  projector?  (W-Am) **(A) No one right now.**  (B) An interesting project.  (C) On the ground floor. | 19.  Ai được sắp xếp sử dụng máy chiếu này?  **(A) Hiện giờ thì không có ai cả.**  (B) Một dự án thú vị.  (C) Ở tầng trệt. |
| 20.  (M-Au) What topics were covered at  yesterday’s meeting?  (W-Br) **(A) We discussed our sales goals.**  (B) Was a cover letter included?  (C) I’m looking forward to it. | 20.  Những chủ đề nào đã được bàn tới tại buổi họp hôm qua?  **(A) Chúng tôi đã thảo luận về những mục**  **tiêu bán hàng.**  (B) Thư xin việc có được bao gồm không?  (C) Tôi đang mong đợi điều đó. |

|  |  |
| --- | --- |
| 21.  (W-Am) Who’ll be giving the keynote  speech?  (M-Au) (A) Ms. Patel usually unlocks it.  **(B) Have you checked the**  **program?**  (C) I could use one, too. | 21.  Ai sẽ có bài phát biểu chính?  (A) Cô Patel thường mở khoá nó.  **(B) Bạn đã kiểm tra chương trình chưa?**  (C) Tôi cũng có thể dùng 1 cái. |
| 22.  (W-Am) Who’s going to set up the room for  our meeting?  (M-Au) (A) Yes, I think there’s room.  **(B) Paul offered to do it.**  (C) After three, I believe. | 22.  Ai sẽ bố trí phòng cho cuộc họp của chúng ta?  (A) Đúng vậy, tôi nghĩ là có chỗ.  **(B) Paul đã đề nghị làm việc đó.**  (C) Sau 3 giờ, tôi tin là vậy. |
| 23.  (W-Am) Who edits the company newsletter  now?  (M-Au) (A) Yes, it’ll be ready for print  shortly.  (B) It’s written for all current  employees.  **(C) Bill Sharma took over that**  **job.** | 23.  Hiện ai đang biên tập tờ báo của công ty?  (A) Đúng vậy, nó sẽ sẵn sàng để in ngay thôi.  (B) Nó được viết cho tất cả nhân viên hiện  tại.  **(C) Bill Sharma đã đảm nhiệm công việc**  **đó.** |
| 24.  (M-Cn) What can we do to expand our  customer base?  (W-Br) (A) Mostly in and around New York  City.  (B) **Change our marketing**  **strategy, I’d say.**  (C) By more than fifty percent last  year. | 24.  Chúng ta có thể làm gì để tăng quy mô khách hàng?  (A) Hầu hết là ở trong hoặc quanh thành phố  New York.  **(B) Thay đổi chiến lược tiếp thị của chúng**  **ta, đó là ý kiến của tôi.**  (C) Hơn 55 phần trăm so với năm ngoái. |
| 25.  (W-Br) What’s the chair person’s name  again?  (M-Cn) (A) Yes, that’s her name.  (B) There aren’t enough chairs.  **(C) I think it’s Ms. Freeman.** | 25.  Tên của vị chủ toạ là gì?  (A) Đúng vậy, đó là tên của cô ấy.  (B) Không có đủ ghế.  **(C) Tôi nghĩ là cô Freeman.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 26.  (M-Cn) What will you do with your bonus  money?  (W-Br) (A) That would be really helpful.  **(B) I’m going to put it in the bank.**  (C) No, you don’t owe us anything. | 26.  Bạn sẽ làm gì với tiền thưởng của mình?  (A) Điều đó giúp ích rất nhiều.  **(B) Tôi dự định gửi ngân hàng.**  (C) Không, bạn không nợ chúng tôi gì cả. |
| 27.  (M-Au) Who recommended changing the  production line?  (W-Br) **(A) The production manager did.**  (B) To improve overall efficiency.  (C) By June, we hope. | 27.  Ai đã đề nghị thay đổi dây chuyền sản xuất?  **(A) Người quản lí sản xuất đã đề nghị.**  (B) Để cải thiện hiệu suất chung.  (C) Trước tháng 6, chúng tôi hi vọng là vậy. |
| 28.  (W-Am) Who’s going with you to China?  (M-Cn) (A) I don’t know whose it is.  (B) To visit some customers there.  **(C) I’m going there on my own.** | 28.  Ai sẽ đi cùng bạn đến Trung Quốc?  (A) Tôi không biết nó là của ai.  (B) Để thăm một vài khách hàng ở đó.  **(C) Tôi sẽ đến đó một mình.** |
| 29.  (W-Br) Who was hired to fill the factory  manager position?  (M-Au) (A) No, I don’t.  (B) Not too tired.  **(C) No one, yet.** | 29.  Ai đã được tuyển vào vị trí quản lí nhà máy?  (A) Không, tôi không làm.  (B) Không quá mệt mỏi.  **(C) Chưa có ai cả.** |
| 30.  (M-Cn) Who’s in charge of planning this  event?  (W-Br) (A) That was the plan.  **(B) One of my colleagues is.**  (C) Yes, if you can. | 30.  Ai chịu trách nhiệm lên kế hoạch cho sự kiện này?  (A) Đó là kế hoạch.  (**B) Một trong những đồng nghiệp của tôi.**  (C) Đúng vậy, bạn có thể. |